

From Metaphysics to Deconstruction

Chau Minh Hung*

Faculty of Primary School and Preschool Education, Quy Nhon University

Received: 31/08/2019; Accepted: 30/09/2019

ABSTRACT

The article briefly describes the movement of knowledge in Western thought history: 1) The source of Metaphysics, 2) The dominance of Metaphysics, 3) The criticism of Metaphysics and the advent of Deconstruction.

From Metaphysics to Deconstruction is a struggle of humanity on the road to liberal horizon of knowledge.

Keywords: *Metaphysics, myth, psychoanalysis, structuralism, deconstruction.*

**Corresponding author.*
Email: chauminhhung@gmail.com

Từ Siêu hình học đến Giải cấu trúc

Châu Minh Hùng*

Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non

Ngày nhận bài: 31/08/2019; Ngày nhận đăng: 30/09/2019

TÓM TẮT

Bài viết lược thuật sự vận động tri thức trong lịch sử tư tưởng phương Tây: 1) Khởi nguồn của Siêu hình học, 2) Sự thống trị của Siêu hình học, 3) Các phản biện Siêu hình học và sự phiêu lưu của Giải cấu trúc.

Từ Siêu hình học đến Giải cấu trúc là một cuộc đấu tranh vật vã của nhân loại trên con đường đi đến chân trời khai phóng tri thức.

Từ khóa: *Siêu hình học, huyền thoại, phân tâm học, cấu trúc luận, giải cấu trúc.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Siêu hình học là một khái niệm rất căn bản của triết học nhưng ít nhà nghiên cứu ở Việt Nam hiểu thông suốt. Nhiều diễn giải làm cho cái đã khó càng thêm khó và rối mù. Trong khi Siêu hình học lại ảnh hưởng lên toàn bộ triết học và khoa học trước thế kỷ 20, đặc biệt chi phối dai dẳng đến văn hóa nghệ thuật cổ điển lẫn hiện đại. Những khái niệm *bản thể*, *bản sắc* trong văn hóa học, *huyền thoại* trong nghệ thuật học đều có gốc từ Siêu hình học, nhưng hầu như được nhiều người dùng khá tùy tiện do chưa có điều kiện tiếp xúc tường tận trong hệ thống vận động của tư duy nhân loại.

Siêu hình học tạo nên một hệ hình tri thức nền tảng và khá bền vững trong tư duy của nhân loại, nhưng cũng vì thế, chính Siêu hình học cầm tù sự phát triển. J. Derrida gọi Siêu hình học là cái bẫy mà tất cả mọi suy tư triết học, cả khoa học tự nhiên trước thế kỷ 20, đều có thể bị mắc vào đó mà tưởng đã thoát ra. Mỹ học và nghệ thuật học dính bẫy Siêu hình học dai dẳng nhất vì sáng tạo luôn hướng vào một thứ niềm tin

đã thành tôn giáo trước khi đối mặt với thực tại sống động và hiện sinh.

2. NỘI DUNG

2.1. Siêu hình học là gì?

Siêu hình học (tiếng Anh: *Metaphysics*, gốc Hy Lạp: *μετάφυσικά*. *Metá* nghĩa là đằng sau, *Metaphisika* là cái đằng sau vật chất, còn gọi là vật chất của vật chất). Khái niệm này áp đặt cho Vật lý học của Aristotle với những tác phẩm luận về vật chất (physics), sau đó cho cả logic học hình thức của ông. Siêu hình học Aristotle quan tâm đến việc giải thích “bản chất” (essence, nature) của thế giới, cái đằng sau các hình thái vật chất cũng như những biểu hiện đa dạng của chúng được gọi là “hiện tượng” (phenomena) mà ta thấy được. Theo logic nhân quả, Aristotle tin “bản chất” sâu xa nhất là “cái đại nguyên nhân” hay “nguyên nhân đầu tiên” và cũng là “nguyên lý phổ quát nhất” hay “thực tại tối hậu” chi phối các hiện tượng. “Cái đại nguyên nhân” ấy, Aristotle đã nhận ra thông qua một siêu nghiệm về lực hay năng lượng mà ông gọi là “động cơ

*Tác giả liên hệ chính.

Email: chauminhhung@gmail.com

ban đầu”. Chính lực hay năng lượng siêu hình đã biến chất liệu thành vô số các hình thức, tức các vật thể đa dạng và biến hóa mà ta tri giác được. Tồn tại là sự thống nhất giữa chất liệu và hình thức.

Từ luận về vật chất tự nhiên, Aristotle luận sang chính trị như một sự bắt chước tự nhiên:

“Nếu ta xem xét sự vật từ ngọn nguồn, dù sự vật đó là nhà nước hay cái gì đi nữa, ta sẽ có được nhận thức rõ ràng nhất về sự vật đó. Thoạt kỳ thủy phải có một sự kết hợp nào đó giữa những sự vật mà không thể hiện hữu được nếu thiếu nhau. Giống đực và giống cái phải kết hợp nhau để lưu truyền dòng giống có cùng bản tính như chúng; hành vi này không phải do ý thức, nhưng do bản năng tự nhiên có sẵn trong các loài động vật cũng như thực vật. Thứ đến, phải có sự kết hợp giữa các phần tử cai trị một cách tự nhiên và các phần tử bị trị một cách tự nhiên. Những phần tử có khả năng, nhờ sự khôn ngoan có tính toán, lo xa, dĩ nhiên trở thành phần tử cai trị, còn những phần tử mà khả năng chỉ do sức mạnh của thể chất mang lại, để làm những gì mà phần tử kia hoạch định, là phần tử bị trị...”^{21, tr.43,44}

Logic lập luận của Aristotle không khác luận giải của Nho học về Đạo trong *Chu Dịch*. Đạo là cái khởi nguyên đi từ vô hình đến hữu hình, từ nhất nguyên đến nhị nguyên và biến hóa vô hạn: “Sinh sinh chi vị dịch” (*Hệ từ thượng truyện*), “Thiên địa nhân luân, vạn vật hóa thuận, nam nữ cấu tinh, vạn vật hóa sinh”, “Thiên địa chi đại đức viết sinh”, (*Hệ từ hạ truyện*), “Thiên địa giao nhi vạn vật thông dã, thượng hạ giao nhi kỳ chí đồng dã” (*Thoán truyện*). Vạn sự bắt đầu từ tính giao, cơ chế quyền lực ra đời với những trật tự đẳng cấp của nó là do trật tự về tính giao. Có điều, do phân biệt thượng/hạ, cũng là phân biệt cao cả/thấp hèn mà cả Aristotle của phương Tây lẫn những nhà Dịch học phương Đông đã dùng nó biện minh cho vấn đề tôn ti xã hội và phân biệt giới tính của cơ chế chính trị độc tài toàn trị.

Niềm tin về một thế giới siêu hình vĩnh cửu chi phối thực tại có từ người thầy của

Aristotle là Plato qua dụ ngôn về cái hang động. Plato tin rằng, tri giác và nhận thức thường nghiệm của chúng ta chỉ biết được cái bề mặt của thực tại, giống như những con người bị xích trong cái hang động, chỉ nhìn thấy cái bóng, như là cái bóng của trò chơi múa rối, tức ảo ảnh trước mặt, mà tưởng là thật; trong khi sự thật hoàn toàn sáng sủa và chân thực nằm ở đằng sau, chỉ có thể biết được qua siêu nghiệm:

“Tường tượng căn phòng dưới đất tựa hang động trong núi, phía cuối xa xa có lối vào dài rộng, lối đi lên thông ra ánh sáng thế giới bên ngoài. Trong phòng có người, họ là tù nhân ở đó từ khi còn là con nít: chân, cổ cột chặt, nên họ ở nguyên tại chỗ, chỉ nhìn thẳng phía trước, vì dây thắt không thể quay đầu. Cách xa một quãng, phía sau và trên cao, có ngọn lửa bập bùng. Giữa ngọn lửa và tù nhân, trên mặt đất cao hơn, có con đường thoai thoải chạy ngang, dọc theo con đường có bức tường thâm thấp, như tấm phông trong buổi biểu diễn múa rối, giữa diễn viên và khán giả, trên đó bày la liệt con rối lăm lăm.”
“... Xét đến cùng trong hoàn cảnh đó họ sẽ tin bóng mờ đồ nghề rơi lên hoàn toàn là thực”^{21, tr.483,484}

Plato tin có một mô thức lý tưởng (Idea Form), tức khuôn mẫu đẹp đẽ và cao cả nhất của đạo đức và thẩm mỹ. Đó là sự hài hòa tuyệt đối, hài hòa phổ quát. Về đạo đức, đó là tình yêu thương và san sẻ. Về thẩm mỹ, đó là sự hòa điệu giữa các mặt đối lập, giữa linh hồn và thể xác, giữa con người và tự nhiên, giữa ta và kẻ khác. Mô thức ấy thuộc ý niệm tuyệt đối, hoàn toàn siêu hình, nằm ngoài tri giác thường nghiệm của chúng ta và định hướng cho cuộc sống của chúng ta hướng về.

Theo Plato, việc nhận ra khuôn mẫu ấy thuộc thần tính của triết gia. Các nhà thơ chỉ là kẻ nhìn thấy hiện tượng (ảo ảnh) mà không thấy được bản chất (cái thực), cho nên chỉ có thể làm méo mó, xuyên tạc sự thực. Ông cũng quan niệm từ ngữ là cái thuộc về thế giới siêu hình thuần khiết, còn các hiện tượng mà từ ngữ nói đến chỉ là bản sao hay cái thứ cấp trong tính đa dạng và hỗn tạp đang đánh lừa nhận thức của chúng ta.

Chẳng hạn, từ “cái bàn” là một bản thể có tính phổ quát, còn mọi cái bàn khác nhau mà ta nhìn thấy chỉ là hiện tượng phái sinh từ kí hiệu siêu hình hay bản thể “cái bàn”.

Siêu hình học thực chất là một tên gọi khác của Bản thể học (Ontology). Trước Plato và Aristotle, huyền thoại tin rằng bản thể, tức “cái cội nguồn đầu tiên” nằm ở thế giới thần thánh trên cao. Nhưng huyền thoại đa thần rất mù mờ và phức tạp, không có tính chất “khải huyền”. Đó là lý do các nhà thần học Thiên Chúa giáo thời đế chế La Mã đã loại trừ đa thần giáo, quy hết về Thượng Đế với độc thần luận về bản thể; thế giới đầu tiên từ sáng tạo của Thượng Đế chính là mô thức ban đầu (Primary Pattern), mẫu mực và bất biến, khác với hiện tượng của thực tại là cái tha hóa, biến đổi phức tạp, tăm tối và tội lỗi.

Huyền thoại (Mythos) là tiếng nói của thánh thần, thực chất vốn là cái siêu nghiệm bất khả giải. Nhưng khao khát diễn giải cái siêu nghiệm ấy thuộc về khả năng tư duy logic của con người. Logos ra đời trong ý nghĩa ấy. Nhưng đến thời đế chế La Mã, Logos lại được hiểu là *thần ngôn*:

“Trong đáng Kito, Logos đã thành người: lịch sử, phi-thời gian, tuyệt đối, cá tính, nhân loại và thần thánh trở thành một. Qua hành động cứu độ, Đức Kito làm trung gian cho linh hồn tiếp cận thực thể siêu việt, nhờ đó thỏa mãn khát vọng truy tìm tối hậu của các triết gia”^{24, tr.98}

Siêu hình học trở thành một môn học của sự suy tư về thế giới và sự sống. Chính nó thúc đẩy toán học, vật lý học và chi phối cả đạo đức và thẩm mỹ học. Siêu hình học xác lập các phạm trù về bản chất/hiện tượng, chất liệu/hình thức, tất nhiên/ngẫu nhiên, thuần khiết/pha tạp, cao cả/thấp hèn, trật tự/hỗn loạn..., và cũng từ đó sinh ra các phạm trù thiện/ác, tốt/xấu...

2.2. Sự thống trị của Siêu hình học

Các nhà khoa học tự nhiên, từ Aristotele kéo dài cho đến Descartes, rồi Newton đều rơi vào cái bẫy Siêu hình học khi miệt mài truy tìm “Cái đại nguyên nhân” hay “Bản thể” và loại trừ cái

ngẫu biến của hiện tượng. Đó là lý do Thượng Đế vẫn ngự trị trong đầu mây ông này. Descartes luận về hiện hữu của chân lý trong tư duy của con người thông qua con đường tiêu diệt cái lầm lạc của *quỷ tính* thường nghiệm để vươn đến một Thượng Đế siêu nghiệm. Thượng Đế là cái bản thể vô cùng, “bản thể vô cùng có nhiều thực tại tính hơn bản thể hữu cùng”. Tư duy (của triết gia chẳng hạn) hướng về bản thể vô cùng. Còn tưởng tượng (của nhà thơ chẳng hạn) chỉ hướng về bản thể hữu cùng, tức mặt khác của thực tại trong tính đa tạp của hiện tượng.

Descartes cũng định nghĩa Siêu hình học như là gốc rễ của mọi tư duy:

“Nhu vậy, tất cả môn triết học, giống như một cái cây, mà rễ là Siêu hình học, thân là Vật lý học, và các ngành do thân cây đó đâm ra là tất cả các khoa học khác: các khoa học đó quy về ba khoa chính này, là y học, cơ học và đạo đức học: tôi có ý nói khoa đạo đức học cao nhất và toàn hảo nhất là khoa giả thuyết ta đã thông thuộc các khoa học khác cho nên nó là bậc cao nhất của sự khôn ngoan.”^{11, tr.389,390}

Newton phát minh ba định luật bất hủ về sự vận động cơ học, nhưng vẫn thừa nhận một Thượng Đế hiện hữu qua kiệt tác hoàn thiện và hùng vĩ của tự nhiên. Một trật tự và sự cao cả của vũ trụ chính là bản thể mang tính thần Thượng Đế.^{7, tr.65} Đây là lý do ba định luật của ông trở thành linh thiêng trước khi A. Einstein lật đổ để khai sinh vật lý học mới.

Ngay cả phép biện chứng của Kant và Hegel cũng không thoát khỏi cái bóng Siêu hình học. Thuyết tiên nghiệm của Kant chỉ là “chủ nghĩa Plato mới” vì nó cải hóa cái siêu nghiệm của Plato, từ tinh thần khách quan vào trong tinh thần chủ quan. Đến cái hợp đề trong phủ định biện chứng của Hegel cũng chỉ là cái Địa đàng mộng ảo của Thiên Chúa giáo.

Kant luận về khả năng siêu nghiệm của lý tính thuần túy:

“Khái niệm siêu nghiệm của lý tính bao giờ cũng chỉ liên quan đến cái **toàn thể tuyệt**

đối trong sự tổng hợp những điều kiện và không bao giờ ngừng lại cho tới khi đạt được cái Vô-điều kiện tuyệt đối, tức cái có giá trị trong mọi phương diện và mọi mối quan hệ.”¹⁶, tr.621

Hegel luận về hiện tượng học tinh thần qua hàng loạt các khái niệm: tinh thần chủ quan, tinh thần khách quan và tinh thần tuyệt đối. Biện chứng giữa tinh thần chủ quan và tinh thần khách quan, cái tôi tìm thấy chính mình trong đối tượng qua sự phản tư về những cái khác, vươn tới, đúng hơn là quay về, để hợp thành tinh thần tuyệt đối:

“**Bản thể tinh thần** đi vào sự hiện hữu, xét như bản thể tinh thần, chỉ là khi nó đã đạt được **những** Tự-ý thức như thế cho các phương diện của nó; những phương diện biết rằng cái Tự ngã thuần túy này [bản thể tinh thần] là hiện thực có **giá trị trực tiếp**, và khi biết điều này, chúng cũng trực tiếp biết rằng chúng là những hiện thực như thế chỉ là nhờ thông qua tiến trình trung giới của sự tự-tha hóa của chúng. Thông qua cái Biết này về tự ngã, những yếu tố của Bản thể được tinh lọc [trong suốt] thành phạm trù tự biết về chính mình và trong chừng mực ấy, là các yếu tố của Tinh thần; [và] thông qua tiến trình trung giới này của sự tha hóa, Tinh thần đi vào sự hiện hữu trong hình thức [thực sự] mang **tính tinh thần**.”¹⁵, tr.1027

K. Marx sử dụng lại phép biện chứng của Hegel với tuyên bố lật ngược, rằng không có lý do gì sau những “phản đề” của tiến hóa (đi cùng với tha hóa) thế giới lại phải quay về cái ban đầu, tức “hợp đề” mà Hegel mộng tưởng. Thế giới tương lai đó có lặp lại cái ban đầu, trong cái nhìn duy vật là xã hội cộng sản nguyên thủy chứ không phải bản thể của Thượng Đế, nhưng ở một trình độ cao hơn: xã hội cộng sản của tri thức và khoa học - kết quả của một quá trình đấu tranh giai cấp và xóa bỏ giai cấp. K. Marx phê phán toàn bộ triết học duy tâm với cuộc chạy đuổi vào một thiên đường siêu hình, bởi thiên đường đó là một ảo tưởng mang tên thần thánh:

“Vấn đề là ở chỗ, những mục đích thần thánh bao giờ cũng gắn bó hết sức chặt chẽ với những nhân vật thần thánh, bởi vì chúng có một

tính chất *thuần túy* duy tâm chủ nghĩa và chỉ *tồn tại trong đầu óc*. Tất cả những nhà duy tâm, cả về triết học lẫn tôn giáo, cả cũ lẫn mới, đều tin vào linh cảm, khảo thị, chúa cứu thế, người sáng tạo kỳ diệu; sự tín ngưỡng ấy mang hình thức thô sơ, tôn giáo hay hình thức văn minh, triết học, thì điều đó chỉ tùy thuộc vào trình độ giáo dục của họ...”¹⁹, tr.956

Cái bản thể tinh thần có trước vật chất để bắt sự vận động vật chất phải quay về cội nguồn tinh thần của nó là một tư duy lộn ngược. Marx cũng như các nhà duy vật trước đó và đương thời hiểu được, rằng mâu thuẫn giữa các mặt đối lập trong thực tiễn của chính cuộc sống là động lực của phát triển và tiến bộ. Nhưng theo các nhà đa nguyên luận, sự định hướng về một hình thái xã hội phi giai cấp, phi nhà nước như Marx tưởng tượng ra vẫn là phi thực tiễn, bởi ở đó còn sự vướng víu trong cái bẫy siêu hình, cái thế giới tương lai đó còn xa vời hơn cả việc đi tìm lại một thiên đường đã mất trong quá khứ.

Bản thể của sự sống là dục tính. Điều này khi nghiên cứu triết lý nhà Phật, chính Schopenhauer đã đưa ra, và nó cũng là tiền đề cho S. Freud xác lập nên Phân tâm học khi nghiên cứu cơ chế tâm thần của con người. Schopenhauer phản bác ý chí luận của các nhà thần học khi xem bản thể thuộc về lý tính thuần túy, tức đức tin tuyệt đối bất khả giải. Con người vì dục tính đã chạy theo ảo vọng, thậm chí biến cuộc sống của mình thành “cỗ máy xay thịt”. Tiếc là, cũng giống như Phật giáo, ông không coi cái bản thể phi dục tính là cội nguồn, mà lại xem nó như là tương lai để nhân loại hướng đến một thế giới diệt dục. Điều Schopenhauer đặt ra sau đó được cải chính bằng tinh thần điều chỉnh giữa dục vọng tự nhiên và trật tự hợp lý của *dục tính người* trong luận thuyết của Freud.²³

Thuyết diệt dục của Schopenhauer với con đường giải thoát khỏi dục tính trần gian, chủ nghĩa hiện sinh hữu thần của Jaspers, Kierkegaard với ý đồ đi tìm một thứ đạo trời cao hơn luân lý thế tục đều là Siêu hình học tân biên. Đến cả chủ nghĩa hiện sinh vô thần của Nietzsche, Sartre, Camus,... dù chống Thượng Đế hay bản thể siêu

hình để đi tìm chủ thể với định hướng về một “con người siêu việt” của tương lai cũng hoàn toàn là sản phẩm của tư duy siêu hình học, vì cái “con người siêu việt” mà họ nghĩ ra hoàn toàn là một ảo tưởng: “Tôi không thể là tôi, nếu không có siêu việt tính: siêu việt tính chính là thước đo chiều sâu thăm thẳm của hiện sinh tôi.”¹², tr.78

Cấu trúc luận là mẫu mực nhất của tư duy Siêu hình học. Các nhà cấu trúc luận chỉ quan tâm đến tính đồng đại phổ quát mà bất chấp tính lịch sử của sự vận động. Đặc điểm của loại hình tư duy này là tính nhị phân của trung tâm luận, từ cái này suy ra cái kia với những đối lập cực đoan. Vẫn từ những nguyên mẫu siêu hình được kiến tạo một cách giả tạo, cấu trúc luận suy ra những cái khác (The other), tức cái phụ thuộc. Chẳng hạn *Bản thể/ Hiện tượng, Thượng Đế/ Con người, Trên cao/ Dưới thấp, Thiên đường/ Thế tục, Thiên/ Tục, Sáng/ Tối, Cao cả/ Thấp hèn, Văn hóa/ Tự nhiên, Ý thức/ Vô thức, Ngôn ngữ/ Lời nói, Hiện diện/ Vắng mặt, Nam/ Nữ...* Trong thế giới nhị phân đó, cái sau bị cho là sinh ra và phụ thuộc cái trước, trong khi cái trước hoàn toàn siêu hình. Toàn bộ thứ bậc tôn ti của xã hội cổ trung đại là sản phẩm của một hệ thống toàn trị, theo các nhà cấu trúc là ổn định và bất biến, dù nó tồn tại dưới những hình thức khác nhau. Cấu trúc luận không xem đó là kiến tạo văn hóa mà là tự nhiên, vì nó tái tạo tự nhiên: “Trong các hệ thống như thế, mỗi thị tộc thường có một totem chính, và rất nhiều totem thứ hai hay thứ ba, được sắp xếp theo thứ tự quan trọng giảm dần. Có thể nói là tất cả các sinh vật, đồ vật và hiện tượng tự nhiên đều bao gồm trong một hệ thống thực sự. Cấu trúc của vũ trụ tái tạo cấu trúc xã hội”¹⁸, tr.153

Nếu như huyền thoại tạo ra đức tin mê muội khi con người còn ở trình độ phi lý tính thì Siêu hình học lại thuyết phục con người bằng chính lý tính của sự tự biện. Cả hai hỗ trợ cho nhau thành một hệ hình tri thức mà nhiều thế kỷ sau đó, dù con người đã nỗ lực tìm đường khai phóng vẫn không thể thoát ra. Plato, Aristotle vẫn luôn là hai sư tổ của học thuật phương Tây, đến mức nhiều người, kể cả Giáo hội Rome,

từng tuyên bố chống lại hai ông rồi lại vô tình trở thành các môn đồ bất khả kháng. Ở phương Đông, trung tâm luận về Đạo như một thứ bản thể hài hòa và sự phân hóa đẳng cấp, trật tự trong đời sống xã hội vẫn kéo dài cho đến thế kỷ 20, 21 gây trở ngại thật sự cho những thực hành về chủ nghĩa Marx và các trào lưu học thuật phê phán khác.

Siêu hình học xét đến cùng cũng là một thứ huyền thoại (Mythos) được logic hóa theo trò chơi của tư duy nhưng từng được xem là Thần ngôn (Logos). Phương Đông gọi nó là “Hình nhi thượng”, chi phối sâu sắc đến tư tưởng hệ của Khổng giáo lẫn Phật giáo Bắc tông. Khổng giáo lấy gương thánh hiền xưa làm khuôn mẫu hay bản thể (*Thuật nhi bất tác*), Phật giáo lấy Niết Bàn vô dục làm nơi Cực Lạc. Nghệ thuật nhân loại, của phương Tây cũng như phương Đông, trong khi miêu tả hiện tượng bằng hình tượng, biểu trưng, tức hướng vào hiện thực, nhưng thế giới của những hình tượng, biểu trưng ấy vẫn luôn chỉ là cái đại diện, cái thay thế cho sự thực, cho nên vẫn là trò chơi ảo để hướng về một bản thể siêu hình. Con người với tư cách là “bản sao của Chúa” khởi đi từ Cựu ước và ăn sâu vào trong nghệ thuật phương Tây cho đến thời đại Khai sáng, kể cả một số trào lưu của chủ nghĩa hiện đại; con người “tiểu vũ trụ” và “phi ngã” trong nghệ thuật phương Đông cổ điển, kể cả ý hướng về “thuần túy và tượng trưng” của chủ nghĩa tượng trưng trong văn học thế kỷ 20 đều là tàn dư của Siêu hình học.

Chủ nghĩa hậu hiện đại xem Siêu hình học chính là cha đẻ của các “đại tự sự” (grands récits) bao hàm cả huyền thoại lẫn các học thuyết toàn trị. Không phủ nhận Siêu hình học có công xây dựng các nguyên lý về vũ trụ, về không gian, thời gian và sự tồn tại của con người, về các phạm trù đạo đức, mỹ học, kể cả các định luật của khoa học tự nhiên. Nhưng chính nó cũng đẩy con người vào vô minh, bởi trò chơi ảo lại được tin là thật; sự nguy tạo chân lý đã sinh ra đạo đức, mỹ học khuôn sáo. Nó cũng là thủ phạm của sự kỳ thị chủng tộc và giới, kiểm duyệt, trấn áp và bạo lực đối với tiếng nói chân thật khác.

3.3. Phản biện Siêu hình học

Phản biện Siêu hình học cũng đã từng có từ thời cổ đại qua các nhà nguyên tử luận (Anaxagoras, Democritus), thuyết tương đối hay đa nguyên văn hóa (Herodotus) và trở lên vào thời Khai sáng với chủ nghĩa hoài nghi triệt để và táo bạo của Hume. Hume tấn công mạnh mẽ vào các loại logic tư biện, và khẳng khái nói to rằng, không phải Thượng Đế hay thánh thần sinh ra con người mà chính con người đã sáng tạo ra các thánh thần và Thượng Đế.

Cơ sở hoài nghi của Hume bắt đầu từ một phản biện về thuyết nhân quả, dù là nhân quả theo logic của Aristotle. Một ví dụ đơn giản về hai quả bi-a. Quả bóng đen lần tới đập vào quả bóng trắng, và quả bóng trắng bắt đầu lăn. Hume cho rằng, thực chất ta chỉ chứng kiến các sự kiện bóng lăn mà không chứng kiến rằng quả bóng trắng lăn là do bị quả bóng đen đập phải. Cái lực tác động kia hoàn toàn là siêu hình, ở trong tâm thức của ta, tức điều ta nghĩ trước khi sự kiện quả bóng trắng lăn.^{2, tr.40-42} Điều này về sau được chính Bertrand Russell tiếp tục bằng luận thuyết loại bỏ hoàn toàn khái niệm nhân quả trong khoa học như thể đó chỉ là một cái gì tương tự như mê tín dị đoan. Russell cho rằng, nếu khoa học dựa vào logic nhân quả, kể cả là “cái đại nguyên nhân” theo Aristotle, thì khoa học cũng là tôn giáo. Niềm tin nhân quả gieo rắc sự sợ hãi và tâm lý nô dịch hơn là tinh thần vươn đến tự do, khai phóng: “Tôi nghĩ rằng tôn giáo được dựa chủ yếu và căn bản trên sự sợ hãi. Đó một phần là nỗi sợ những gì không biết, và một phần là ước muốn được cảm thấy rằng ta có một thứ như một người anh lớn - người sẽ đứng bên ta mỗi khi ta gặp khó khăn hay tranh chấp. [...] Một thế giới tốt đẹp cần tri thức, sự nhân hậu và lòng dũng cảm; nó không cần đến sự nuối tiếc về quá khứ hay sự trối buộc trí tuệ tự do bằng những lời lẽ mà những người kém hiểu biết đã thốt ra từ lâu.”²²

Thực ra bản thể học của Siêu hình học đã sụp đổ từ khi Phân tâm học mà ông tổ là S. Freud vạch ra thẳng thừng, rằng Thượng Đế chính là

người cha nguyên thủy độc tài và tham lam bị những đứa con trần thế trừng phạt mà bỏ chạy lên trời. Siêu hình học và thần học xét đến cùng là cách nói ngược của kẻ có quyền lực và tạo ra vô thức của kẻ bị trị với niềm tin phục tùng vô điều kiện vào một bản thể mẫu mực và tốt đẹp. Bản thể chính là dục vọng được ngụy trang, tức người ta đã hư cấu nên thứ văn hóa, đạo đức giả mà loài người đã khoác lên bộ mặt của mình.

“Buộc phải thừa nhận một cách đúng đắn khó mà hơn được rằng, đối tượng của việc cúng tế bao giờ cũng chính là một cái gì đó được suy tôn thành Chúa, tức là người cha. Vấn đề tương quan giữa tế phẩm là nhân mạng giờ đây đã tìm được lời giải. Tế phẩm súc vật nguyên thủy là sự thay thế cho tế phẩm nhân mạng, cho lễ hội giết cha, và khi vật thay thế người cha đón nhận trở lại cái thân xác con người của nó thì tế phẩm súc vật cũng tự thân biến hóa vào tế phẩm nhân mạng ấy”.^{13, tr.241}

“Trong Huyền thoại Cơ đốc giáo thì, không còn nghi ngờ gì nữa, tội tổ tông của con người là tội chống lại đức Chúa cha. Khi Christus giải thoát con người khỏi gánh nặng tội lỗi bằng cách hiến dâng sự sống của bản thân, thì Người đã đẩy chúng ta đến kết cục tội lỗi ấy chính là vụ giết người”.^{13, tr.244}

Các nhà hậu cấu trúc đến giải cấu trúc, từ J. Lacan đến M. Bakhtin, M. Foucault và J. Derrida tuyên bố không hề có cái gọi là bản thể cố định. Thế giới luôn bất định. Mọi ổn định đều giả tạo. Lacan chỉ ra *sự trượt* (glissement) một cách vô minh của tư duy nhân loại vào các biểu tượng, trong đó có cả biểu tượng là Thượng Đế và các thánh thần; do sự trượt đó, con người thành nô dịch của quyền lực thống trị một cách vô minh mà tưởng là ổn định. Biểu tượng luôn là một chuỗi biểu đạt của dục vọng và quyền lực: “Chuỗi biểu đạt thuộc vị trí đặc quyền nhưng ở tình thế tạm thời, chủ quan, và trên hết, dục vọng trong lý thuyết của Lacan. Dục vọng thân xác chuyển thành dục vọng quyền lực và chi phối ngôn ngữ. Nói bao giờ cũng bị trượt theo tiếng nói của một sức mạnh quyền lực, nhưng lại chứa

trong đó phức cảm giữa một bên là sức mạnh quyền lực xã hội bên ngoài và dục vọng bên trong cá nhân.²⁶, tr.158

M. Bakhtin trong lý thuyết đối thoại của ông đã lật tẩy tính chất toàn trị của huyền thoại, rằng mọi sự thống trị được áp đặt lên nhân loại luôn có tính tạm thời. Cuộc sống là đối thoại. Bên cạnh cái trang nghiêm của huyền thoại, diễn hình là lễ hội chính thống, lễ hội ăn mừng chiến thắng, mà tầng lớp thống trị đề ra luôn xuất hiện sự giễu nhại, trào tiếu của tầng lớp bị trị, và chính tiếng cười sống động của kẻ bị trị, như Marx từng nói, đã tổng tiền cái hoàn tất của huyền thoại xuống huyết một cách vui vẻ. “Lễ hội chính thống thực chất chỉ nhìn về đằng sau, vào quá khứ và lấy quá khứ ấy để linh thiêng hóa chế độ đang tồn tại trong hiện tại. Lễ hội chính thống, thậm chí đôi khi trái với ý niệm của bản thân nó, luôn luôn khẳng định tính bình ổn, tính bất biến và vĩnh hằng của toàn bộ trật tự thế giới hiện hữu: đẳng cấp, ngôi thứ hiện tồn, những giá trị, chuẩn mực, những cảm đoán về tôn giáo, chính trị, luân lý hiện thời. Lễ hội là lễ mừng thắng lợi của cái lễ phải đã hoàn tất xong xuôi, đã chiến thắng và đang thống ngự, lễ phải ấy tự thể hiện như một chân lý vĩnh cửu, bất biến và không được tranh luận.”³³, tr.33 “Trái ngược với lễ hội chính thống, hội giả trang dường như ăn mừng sự giải phóng nhất thời khỏi cái lễ phải thống trị và chế độ hiện hành, nó dường như ăn mừng sự bãi bỏ nhất thời tất cả các quan hệ tôn ti thứ bậc, những đặc quyền, chuẩn mực và cảm đoán. Đó là ngày hội thực sự của thời gian, ngày hội của sự biến chuyển, đổi thay và làm mới. Nó thù địch với sự vĩnh cửu hóa, mọi sự hoàn tất và kết thúc. Nó nhìn vào cái tương lai không bao giờ hoàn tận.”³⁴, tr.34 Bakhtin không xem huyền thoại là tư duy ngây thơ, ấu trĩ, thậm chí còn xem nó là sản phẩm được kiến tạo bền vững, toàn bích, trong nghĩa là trò chơi hoàn hảo của quyền lực nhân danh đi tìm một bản thể duy nhất: “Tính toàn bích, tính nhất quán và tính nghệ thuật hoàn toàn không ngây thơ ở thể loại này nói lên sự cao tuổi, cái quá khứ lâu đời của nó”. Tất nhiên, chính tính bền vững, tính toàn bích về một quá

khứ đã hoàn thành ấy, nó “xơ cứng” và “gần như đã chết rồi”.⁴, tr.37

M. Foucault quy hết huyền thoại và Siêu hình học về diễn ngôn (discourse) với tính chất ngẫu biến của tư duy, tính chất bạo lực của kiểm duyệt và sự trí trá của ngôn từ đã áp đặt lên cuộc sống con người biến con người từ chủ thể thành công cụ của chính ngôn ngữ. Ngôn ngữ là sản phẩm của tư tưởng hệ, trò chơi của quyền lực, chính nó cầm tù con người trong vẻ đẹp của những diễn ngôn có cánh. Quyền lực củng cố bằng niềm tin huyền thoại, kể cả bạo lực và trấn áp, nhưng chính mặt thứ hai của nó làm cho nó tan rã: “Quyền lực là thứ mong manh nếu chức năng duy nhất của nó là trấn áp”.¹⁴, tr.208

Điều này K. Marx đã từng cảnh báo khi phê phán Hegel và toàn bộ hệ tư tưởng duy tâm Đức. K. Marx khẳng định, mọi niềm tin và hoạt động của con người, kể cả tôn giáo và triết học, rốt cuộc đều là sản phẩm được tạo ra bởi những lực lượng vật chất. Đến lượt chính kiến trúc thượng tầng mà hạt nhân là tư tưởng hệ của kẻ thống trị sẽ kìm hãm tiến bộ, dân chủ và khai phóng, thậm chí đi đến tàn sát và diệt chủng. Trong dã tâm tàn sát và diệt chủng, quyền lực ắt sụp đổ. K. Marx viết:

“Người Đức với tinh thần tự mãn cao độ, đem cái vương quốc hư vô của ảo mộng, cái vương quốc của “bản chất của con người ấy”, đối chiếu với các dân tộc, tuyên bố cái vương quốc ấy là sự kết thúc và là mục đích của lịch sử toàn thế giới; trong mọi lĩnh vực hoạt động, họ đều coi những ảo tưởng của mình như là một bản án chung thẩm về hoạt động của các dân tộc khác, và bởi vì ở đâu họ cũng đều có thể chỉ là những người quan sát và những người giám thị, cho nên họ cho mình là người có sứ mệnh tiến hành xét xử toàn thế giới, họ quyết đoán rằng toàn bộ quá trình lịch sử đang đạt tới mục đích cuối cùng của nó ở nước Đức. Chúng ta đã nhiều lần nhận thấy rằng tính chất kiêu ngạo dân tộc khoa trương và vô hạn ấy phù hợp với thực tiễn hết sức ti tiện của con buôn và người thợ thủ công. Nếu tính hẹp hòi dân tộc nói chung là đáng

ghét, thì ở Đức, nó đang trở thành ghê tởm, bởi vì ở đây nó được kết hợp với cái ảo tưởng tựa hồ như người Đức đứng trên tính hẹp hòi dân tộc và tất cả những lợi ích hiện thực, và việc người Đức phản đối các dân tộc là đang công khai thú nhận tính hẹp hòi dân tộc của họ và thú nhận cả việc họ lấy những lợi ích hiện thực làm cơ sở...”^{19, tr.849}

R. Barthes là nhà cấu trúc - kí hiệu học nhưng lại là người tiên phong khắc phục nhược điểm của Cấu trúc luận về tính phi lịch sử của nó. Khi chỉ quan tâm đến tính đồng đại, Cấu trúc luận đã xa rời hay tước bỏ lịch sử của đối tượng. Với cách ấy, nó đã đóng kín hệ thống bên trong nó và cho bản thân nó. Và như vậy, thông điệp mà nó tìm thấy thường giả tạo. Barthes chủ trương cần phải nghiên cứu trên tinh thần kí hiệu học mới, “vừa hình thức vừa lịch sử, vừa kí hiệu học vừa tư tưởng học”. “Kí hiệu học, đặt trong những giới hạn của nó, không phải là cái bấy Siêu hình học: nó là một khoa học trong số các khoa học khác, cần thiết nhưng không đủ. Điều quan trọng là phải thấy rằng lý giải một vấn đề không thể tiến hành bằng cách cắt bỏ hướng tiếp cận này hay hướng tiếp cận kia, mà phải bằng cách, như Engels nói, phối hợp biện chứng các khoa học riêng biệt tham gia nghiên cứu. Đối với huyền thoại học cũng vậy: nó đồng thời thuộc về kí hiệu học với tư cách khoa học hình thức, và thuộc về tư tưởng học với tư cách khoa học lịch sử: nó nghiên cứu những tư-tưởng-dạng-hình-thức”^{5, tr.294, 295}

Cũng như Barthes, Derrida phát hiện bản thân kí hiệu ngôn ngữ đã là huyền thoại, bởi sự né tránh sự thật để tìm cái thay thế, cái đại diện, tức dịch chuyển từ thực sang ảo mà con người luôn bị mắc kẹt trong Siêu hình học. Không còn cách nào khác, thay bằng tin vào một học thuyết toàn trị, loài người chỉ có thể chấp nhận đa lý thuyết, từ đa hệ tư tưởng đến kiến tạo nên một thế giới đa dạng để vươn tới sự bình đẳng và tương tác của những khác biệt. Có nghĩa là bản thể nhất nguyên chứa đựng các đối lập nhị phân không hề tồn tại hoặc chỉ là kiến tạo giả tạo, trong khi bản chất của thế giới luôn là đa dạng và khác biệt (difference).

Trong quan hệ với cấu trúc luận, Derrida phản biện rất ráo riết luận thuyết về hệ thống nhị nguyên và tôn ti của Lévi-Strauss, bắt đầu từ vấn đề loạn luân và cấm kỵ, từ đó phá bỏ tính chất đối lập nhị nguyên: *tự nhiên/văn hóa, phổ quát/quy tắc*. Rằng, cấu trúc này không còn có thể duy trì và nên được truy vấn: “Việc cấm loạn luân là phổ quát, trong ý nghĩa này người ta có thể gọi nó là tự nhiên, nhưng nó cũng là một cấm kỵ, một hệ thống tiêu chuẩn, loại trừ. Theo nghĩa này, người ta có thể gọi nó là văn hóa.”^{8, tr.361} Có nghĩa là, cấm kỵ luôn chỉ là sản phẩm của trò chơi quyền lực để phục tùng cho hệ thống toàn trị; để được gọi là văn hóa, nó luôn phản tự nhiên, nó tạo ra quy tắc để chống cái phổ quát, nhưng nó lại bịp bợm là tự nhiên, phổ quát.

Derrida định nghĩa Siêu hình học như là: “Hành động phiêu lưu “mang tính chiến lược”, “lý tưởng” quay trở về với nguồn cội hoặc với một tư tưởng ưu tiên còn đơn sơ, nguyên vẹn, chuẩn thường, thuần túy, mực thước, tự đồng nhất, để rồi tư duy trong khuôn khổ truy tìm khởi nguồn, sự phức tạp, quá trình suy thoái, sự cố, v.v... Tất cả các nhà phê bình, từ Plato đến Rousseau, Descartes đến Husserl đều vượt lên theo con đường này, bằng cách thừa nhận thiện có trước ác, tích cực có trước tiêu cực, cái thuần khiết có trước cái ô tạp, cái đơn giản có trước cái phức tạp, cái tất nhiên có trước cái ngẫu nhiên, cái được mô phỏng có trước cái mô phỏng,... Và đó không chỉ là một hành vi siêu hình duy nhất trong số các hành vi khác, mà nó là tình trạng khẩn cấp thường hằng nhất, sâu sắc nhất và có uy lực nhất.”^{9, tr.236} “Siêu hình học liên quan đến việc cài đặt các hệ thống phân cấp và các trật tự của sự phụ thuộc trong các nhị nguyên luận khác nhau mà nó phải đối đầu.”^{10, tr.195}

Có nghĩa là, tư duy Siêu hình học ưu tiên cho sự hiện diện và tính thuần khiết với sự trả giá bằng cái ngẫu nhiên và cái phức tạp bị phủ định hoặc chỉ được coi là những dị thường không quan trọng. Trong các phân tích triết học, những cái đứng sau như cái ác, cái tiêu cực, cái ngẫu nhiên, cái phức tạp, nữ giới, đồng tính... đều được/ bị xem là những biến thái hay tha hóa của

cái đứng trước. Tư duy này đã đeo bám dai dẳng không chỉ trong triết học mà bằng nhiều cách khác nhau trong huyền thoại, tôn giáo, văn học, nghệ thuật. Về kí hiệu và ngôn ngữ, Derrida cho rằng “Một cặp đối lập của các khái niệm siêu hình (nói/viết, hiện diện/vắng mặt,...) không bao giờ là mặt đối mặt của hai giới hạn, mà là một sự phân cấp và một trật tự phụ thuộc. Giải cấu trúc không thể tự giới hạn hoặc vượt lên một cách trực tiếp trở thành trung tính hóa: nó phải, bằng một hành vi kép, một khoa học kép, một văn bản kép, thực hành một cuộc lật nhào cái đối lập cổ điển, và thay thế toàn bộ hệ thống. Trong hoàn cảnh đơn độc đó giải cấu trúc sẽ cung cấp phương cách can thiệp vào lĩnh vực của các đối lập mà nó phê phán.”^{10, tr.195} Siêu hình học là một thứ giả tri thức, bắt đầu từ cách hiểu về kí hiệu và ngôn ngữ. Kí hiệu và ngôn ngữ đã luôn là một cái ảo thay thế cho cái thật, và như vậy mọi kiến tạo nhị phân đều là do tưởng tượng xa rời hiện thực mà con người phải đối mặt. Nếu chấp nhận tất cả đều là trò chơi ảo, thì kiến tạo văn hóa, đạo đức, ngôn ngữ là trò chơi vô tận của tư duy, và như vậy, không có lý do gì một cách kiến tạo là một khuôn khổ cầm tù tinh thần con người.

Tư tưởng của Derrida mở ra một chân trời mới cho khoa học hiện đại, khoa học giải huyền thoại. Không chỉ giải huyền thoại về Thượng Đế và các thánh thần mà còn giải các huyền thoại đang ngự trị trong khoa học tự nhiên lẫn khoa học xã hội.

3. KẾT LUẬN

Siêu hình học mệnh danh là khoa học hay luận thuyết về cái siêu hình, cái đằng sau vật chất hữu hình. Khởi phát của Siêu hình học là cuộc truy tìm bản thể, cội nguồn của sự sống. Siêu hình học, tiền thân là logos, thần ngôn, diễn giải sự tồn tại của thánh thần, cho nên Siêu hình học không thể tách rời khỏi huyền thoại. Siêu hình học có công đóng góp rất lớn vào nhận thức luận, từ tri giác thường nghiệm đến siêu nghiệm và tư duy trừu tượng. Siêu hình học là cha đẻ của toán học, khoa học tự nhiên, tâm lý học, đạo đức

– thẩm mỹ học, chính trị - xã hội học. Nhưng cũng vì thế, cái bóng của Siêu hình học phủ trùm lên tư duy nhân loại, tương đương như cái bóng của Thượng Đế phủ trùm lên đời sống tinh thần của các tôn giáo. Siêu hình học gợi mở cho nhân loại đi tìm các bí ẩn của vũ trụ, nhưng Siêu hình học cũng cầm tù tư duy nhân loại suốt hàng ngàn năm lịch sử. Thomas Kuhn gọi đó là một hệ hình tri thức (paradigm knowledge) thống trị tư duy nhân loại trước khi thay đổi hệ hình bằng những phản biện chống lại niềm tin huyền ảo.^{17, tr.7-22}

Chính huyền thoại và Siêu hình học cung cấp cho loài người niềm tin về một bản thể tốt đẹp, mẫu mực, nguyên vẹn và vĩnh hằng nằm ngoài không gian, thời gian làm cơ sở cho các quy tắc đạo đức, thẩm mỹ mà nhân loại hướng về nó như hướng về cội nguồn. Văn hóa học gọi đó là bản sắc, nhưng trên con đường truy tìm bản sắc, kết quả là một thế giới đa bản sắc, bởi trước khi xuất hiện huyền thoại độc thần là những huyền thoại đa thần.

Huyền thoại và Siêu hình học cũng vạch ra sự tha hóa của sự sống trong quá trình bất tuân mệnh lệnh của thánh thần để giải thích nguyên nhân của tội lỗi, bạo lực và chiến tranh. Nhưng hậu quả là, huyền thoại và Siêu hình học chỉ có tác dụng đe dọa hơn là thôi thúc sự sám hối, làm cho loài người mê muội hơn là khai sáng, chưa kể chính huyền thoại và Siêu hình học tạo nên thứ mặt nạ giả dối và bịp bợm của quyền lực độc tài. Con người càng văn minh và hiểu biết, càng đầy dục tính dẫn đến tội lỗi, bạo lực và chiến tranh ngày một leo thang. Các nhà Phân tâm học vạch ra, cái đại nguyên nhân sinh ra tranh chấp hỗn loạn là dục tính, dục tính của bản năng dịch chuyển thành dục tính của quyền lực. Chính Marx vạch ra, bản thể học của Siêu hình học, cụ thể là tôn giáo độc thần, không làm giàu có cho tinh thần nhân loại mà giết chết nhân loại trong thứ “tinh thần của những trật tự không có tinh thần.”^{20, tr.349} Không có sự tha hóa thuần túy, theo Marx, tha hóa gắn liền với tiến hóa như một lẽ tự nhiên. Các nhà giải cấu trúc xác định, tự nhiên là đa dạng, và thế giới luôn vận động, nếu đi đến

một trạng thái lý tưởng nào đó thì phải là *hòa điệu của những khác biệt*.

Khuynh hướng giải huyền thoại đã trở thành đặc trưng của chủ nghĩa hậu hiện đại. Các hình thức phá hủy trò chơi của huyền thoại ra đời: sự hạ bệ thần tượng, các phương thức cắt dán, giễu nhại làm tan rã toàn bộ sự cô kết của cấu trúc và tính độc quyền chân lý của huyền thoại. Phía dưới phần nổi của hình thức huyền thoại là phần chìm được phơi ra trong một hệ quy chiếu tương đương giữa bề mặt và bề sâu.

Giải cấu trúc (Deconstruction), như Derrida tuyên bố, không là một lý thuyết như có người tự dịch ra là “giải cấu trúc luận”, vì nó không muốn dẫm chân lên Siêu hình học và các học thuyết toàn trị. Nó chỉ thực hành các thao tác phản biện, truy vấn rít rạo Siêu hình học để loài người thoát khỏi cái bẫy nô dịch nguy hiểm của nó. Kết quả là giải cấu trúc lật tẩy trò chơi kiến tạo tri thức, văn hóa đã cầm tù tư duy của con người qua hàng ngàn năm lịch sử. Thực hành giải cấu trúc luôn sáng tạo mà không tuân theo một lý thuyết toàn trị nào. Nó chống các loại tư tưởng hệ độc tài toàn trị, chống suy tôn thần tượng và những tín điều, và vì thế, trò chơi giải cấu trúc không có sự tổ lẫn môn đồ, nó thuộc sáng tạo cá nhân nên chấp nhận cuộc phiêu lưu đầy bất trắc và nguy hiểm. Nó hoàn toàn tự do và khai phóng.

Thực hành giải cấu trúc có căn nguyên từ phép biện chứng duy vật và biện chứng lịch sử của Marx. Chính Derrida tuyên bố, ông vừa là nhà Marxist lại vừa là nhà hậu Marxist.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aristototele. *Chính trị luận*, Nông Duy Trường dịch và chú giải, Nxb Thế giới, 2013.
2. J. Ayer. *Language, Truth and Logic*, London Press, 1936.
3. M. Bakhtin. *Sáng tác của Francois Rabelais và nền văn hóa dân gian Trung cổ và Phục hưng*, Từ Thị Loan dịch, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006.
4. M. Bakhtin. *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết*, Phạm Vĩnh Cư dịch, Trường Viết văn Nguyễn Du, Hà Nội, 1992.
5. R. Barthes. *Những huyền thoại*, Phùng Văn Tửu dịch, Nxb Tri thức, 2008.
6. M. Bowie. *Lacan*, Cambridge, MA: Harvard University Press, 1991.
7. D. Brewster. *A Short Scheme of the True Religion*, manuscript quoted in *Memoirs of the Life, Writings and Discoveries of Sir Isaac Newton*, Edinburgh, 1850.
8. J. Derrida. *Writing and Difference*, trans. Bass, Chicago: University of Chicago Press, 1967.
9. J. Derrida. *Limited Inc.* (inc. “Afterword”), ed. Graff, trans. Weber, Evanston: Northwestern University Press, 1998.
10. J. Derrida. *Margins of Philosophy*, trans. Bass, Chicago: University of Chicago Press, 1982.
11. Trần Thái Đình. *Triết học Descartes*, Nxb Văn học, 2005.
12. Trần Thái Đình. *Triết học hiện sinh*, Nxb Văn học, 2005.
13. Sigmund Freud. *Nguồn gốc của văn hóa và tôn giáo, Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2001.
14. M. Foucault. “The Subject and Power”, *Beyond Structuralism and Hermeneutics*, University of Chicago, 1982.
15. G.W.F. Hegel. *Hiện tượng học tinh thần*, Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú giải, Nxb Văn học, 2006.
16. Immanuel Kant. *Phê phán lý tính thuần túy*, Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú giải, Nxb Văn học, 2004.
17. Thomas Kuhn. “What Are Scientific Revolutions?”, *The Probabilistic Revolution*, Volume I: *Ideas in History*, eds. Lorenz Kruger, Lorraine, J. Daston, and Michael Heidelberger, Cambridge, MA: MIT Press, 1987.
18. Claude Levy-Strauss, *Định chế Totem hiện nay*, Nguyễn Tùng dịch, Nxb Tri thức, 2017.
19. K. Marx, F. Engels. *Hệ tư tưởng Đức*, Nxb Chính trị quốc gia, tái bản 2004.

20. K. Marx, F. Engels, V.I. Lenin. *Bàn về tôn giáo và chủ nghĩa vô thần*, Nxb Chính trị quốc gia, 2001.
21. Plato. *Cộng hòa*, Đỗ Khánh Hoan dịch, Nxb Thế giới, 2014.
22. Bertrand Russell. *Why I Am Not a Christian*, London Press: Watts, 1927.
23. Schopenhauer. *Religion, a Dialogue, Etc* (illustrated), Full Moon Publications, 2014.
24. Richard Tarmas. *Quá trình chuyển biến tư tưởng phương Tây*, Lưu Văn Hy dịch, Nxb Văn hóa thông tin, 2008.